

le qui Do Colonel Nguyen Van Long
 the 2nd Commander: Colonel Tran Thien
 Thanh. Colonel Nguyen Tu Khans.
 Advisor DAO
 - 6/1974: Following to study the High Transport-
 ation Office Diplomacy of ARVN
 - 9/1974: Transportation office of 3rd Transp. Group
 (Long Binh) & Commander: Lt. Colonel Le Ba Tong
 Under order Commander of 3rd Transp. Zone:
 Colonel Nguyen Dinh Thong.
 3. Last Rank: Captain (6 years)
 4. Ministry/Office - Military Unit: 3rd Transportation
 Group (Long Binh)
 5. Supervisor/Co: Lt. Colonel Le Ba Tong
 6. Name of American Advisor: no remember.
 7. Reason of leaving: By the 1975 event and his my
 Idea and by the future life of my children.
 8. Worked in Vietnam: FCI close 6 months by
 English language school Saigon Capital.

A. Reducation of you or your spouse:

1. Name of person in Reducation: HO-THIE-CHAU
2. Total Time: Reducation time
 - Reducation time: 12 months
 - Giving freedom Citizen life after: 5 months
 Total: 22 months.
3. Still In Reducation: no / but always to asking
 many polical questions and too many time repeating
4. Any additional Remark: Help and Save me
 - For repair my eye (was wounded from 19 9)
 - By the future life of my children.

I. Please list all document attached to the my questionnaire

ending from August / 1988. And get back to me one IV.

Signature

[Signature]

HO-THIE-CHAU

August / 1988.

QUESTIONNAIRE FOR EXPOLITICAL PRISONER IN VIETNAM (QUESTIONNAIRE FOR OPP APPLICANT)

A. BASIC IDENTIFICATION DATA:

1. Name: HO-THIE-CHAU
2. Other name: no
3. Date/Place of Birth: 15-7-1938 Chiaplin Chaudoc
4. Residence address: 30/4 Dong Pa Street DANANG
5. Working address: VIETNAM
6. Current Operation: Listed Unit: 3rd Transportation
 Group Long Binh (To belong to ARVN Trans. District)
 o Total worked time: 15 years (1960-1975)
 o Last Rank: Captain (6 years)
 Question Transportation Office
7. Date arrested: 20-5-1975
8. Date Released: 12-3-1978 (there are 5 months
 they didn't give priority of Citizen life)
9. Relative to Accompany me:

No	Name	Year of Birth		M/C	Relationship	Address
		M	F			
1	Tran Thi KHUONG		1945	M	Wife	30/4 Dong Pa Street DANANG
2	He Thi KIM KHANH		1964	S	Daughter	CITY OF VIET NAM.
3	He Thi CONG	1969		S	Son	
4	He Thi THINH KHANG		1970	S	Daughter	
5	He Thi CAN	1971		S	Son	
6	He Thi THANH AN		1973	S	Daughter	

C. Relation Outside of Vietnam:

(1) Closest Relative on the USA:

- o HAO THE HO (HO-THIE-HAO) my uncle brother
 before 1975: Lt. Colonel of RVN AIR FORCE

Friends: Paul B. Mango (my advisor last Rank before 1968: Major of US ARMY (ARTILLERY), but now I don't know his address.

- Commander (last Rank before 1970) Colonel Commander of 1st Transportation Group of 1st Division USMC (located Panang City 1959-1970). But now I don't know his address.

- Many my old Commanders as:
 - Colonel Lê qui-Dôn, Nguyễn Văn Long (1970-1973) Commander of ARVN Transportation Saigon District but now I don't know their address.
 - Colonel Nguyễn Văn Khanh (1946 FARM TO MARKET ROAD ENDWELL NY 1970 USA)

C. Close relative in the foreign countries:

- Hò-thi Lanh (my little sister) 15/250 RIVER AIE CARRANAR NAW 2103 AUSTRALIA.

D. COMPLETE FAMILY HISTORY (living, dead, father, mother, wife, children)

Relationship	Name	Status	Address
Father	Hò-thi Húc	Dead	-
Mother	Ngô-thi Bàng	Dead	-
Wife	Trần-thi Khương	Living	50/1 Dong An Dong
Children	Hò-thi Kim Khanh	Living	Street
-	Hò-thi Công	Living	-
-	Hò-thi Thanh Hông	-	-
-	Hò-thi Chin	-	-
-	Hò-thi Thanh	-	-
-	Hò-thi Thanh	-	-
-	Hò-thi Thanh	-	-
Daughters in law	Nguyễn-thi P. Cam	-	-

E. Employment by USA Government Agencies or other

USA Organization of you or your spouse:

- My Wife: TRAN-THI KHUONG (1945)
 - 1958-1970: Employment of RMK-BRT Company (Panang). Director: M^r WTELEN
 - 1970-1971: Employment of PHILCOFORD CORPORATION PANANG CITY. Title: Stock Clerk
 - 1973-1974: Employment of ICCS/FIC Tân Sơn Nhât Saigon City. Title: TELETYPEIST. Supervisor: M^r FRED

F. Service With GVN or RVN or ARVN you or your spouse:

1. Name of person serving: Hò-THI CHAU (1938)
 2. Date from: SN: 58/112.884
- 1960-1961: Transportation School of ARVN.
 - 1961-1962: 21st Transportation Company (Quinhon) (Under Order: 2nd Transp. Battalion)
 - 1962-1964: 2nd Transp. Company of ARVN 2nd Infantry Division (I Zone).
 - 1964-1966: Military Train Panang District Commander American Advisor: Capt Paul B. Mango
 - 1967-1968: 12th Escort, Security Rail Road Commander
 - 1969-1970: April/1969: To be Wounded at Hue 10th Command 12th Escort Security Rail Road Company to protect and escorted the big Convoy supplying to Hue field.
 - July/1969: Headquarters Company Commander of 1st Rail Road Security Battalion.
 - 1970-1971: Operation Officer of the 1st Transportation Group (Panang) 1st Division in ARVN
 - 1971-1973: Port Transp. Office of ARVN Transp. Saigon District.
 - 1973-1974: CONEX Supply, control maintenance (keeping intact) Office of ARVN. the first Commanders: Colonel



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº
[Signature]

Hộ chiếu này gồm 16 trang .
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HỒ THỊ THỊNH AN
Nom et prénoms

Ngày sinh 19/1
Date de naissance

Nơi sinh Tp. Hồ Chí Minh
Lieu de naissance

Chỗ ở Quang Trung
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng
Signalement

Chiều cao
Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

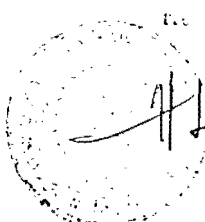
À TOUS PAYS

và hết hạn ngày 07-10-1961
IL expire Le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 07 tháng 10 năm 1961

Fait à le
CỤC QUẢN LÝ KHẨN MẬP CÔNG

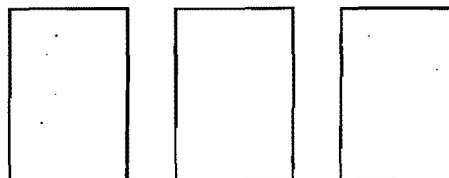

Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 6665/89

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên TRẦN THỊ HUỖN
Nom et prénoms

Ngày sinh 18/7
Date de naissance

Nơi sinh Hà Sơn Bình
Lieu de naissance

Chỗ ở Sông Nam Kỳ
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC
À TOUTS PAYS

và hết hạn ngày 15.12.1954
IL expire Le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 07 tháng 12 năm 1954

Fait à le
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Trưởng phòng Z



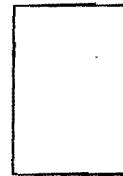
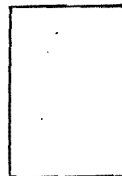
Phạm Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS. 62205-XC

Cấp cho Đài Loan - Thị Khố

Cấp vào 1/1/1990

H. CHỢ CHUNG QUỐC HOA KỲ

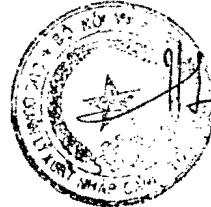
C. Tân Sơn Nhất

T. 29.6.1990

H. 19.6.1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng Z



Hoàng Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 6220/89

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HỒ THỊ KIM KHANH
Nom et prénoms

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire

Ngày sinh 12/1/77
Date de naissance

Nơi sinh Quảng Nam - Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở Quảng Nam - Đà Nẵng
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 15.12.1994

IL expire le

trừ khi được gia hạn.

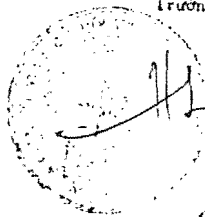
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 15 tháng 12 năm 1994

Fait à

le 15.12.1994

Trưởng phòng

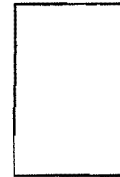
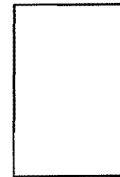
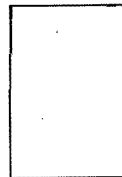


Hoàng Linh

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 62207-KC

Công dân Việt Nam Hà Nội Khánh

Chức vụ ...

HỢP CHỨNG QUỐC HOA KỲ

Cấp

Thời hạn

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng Z



Hoàng Văn...



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 63209/19 DC₁

Hộ chiếu này gồm 16 trang

Họ tên..... HỒ THE CÔNG
Nom et prénoms

Ngày sinh..... 15/6/72
Date de naissance

Nơi sinh..... Quảng Nam - Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở..... Quảng Nam - Đà Nẵng
Domicile

Quốc tịch..... Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp..... /
Profession

Nhận dạng..... Chiều cao
Signalement *Taille*

Màu mắt..... /
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt..... /
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

.....

.....

và hết hạn ngày 12.12.1994

Il expire le

trừ khi được gia hạn

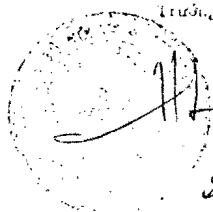
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 12 tháng 12 năm 1989

Fait à le

QUỐC LÃ KHÉT PHÁP CẢNH

Trưởng phòng Z

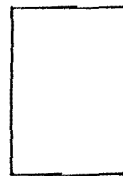
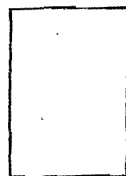


Nguyễn Liêm

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénom	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

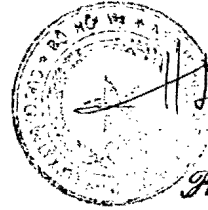
Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 63209-XC
Cấp cho anh Hà Thế Công
Công dân Việt Nam
Đi Đến Hợp chúng quốc Hoa Kỳ
Cấp ngày Tên Sơ nhất
Đến ngày 06-6-1990
Hộ khẩu Quảng Nam, 12 tháng 1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẬP
Trưởng Hàng F



Hoàng Lâm



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 62211/89 HC

Hộ chiếu này gồm 16 trang

~~et contient 16 pages~~

Họ tên HỒ THỊ THANH KHANG
Nom et prénoms

Ngày sinh 15/10
Date de naissance

Nơi sinh Sông Nam - Đà Nẵng
Lieu de naissance

Chỗ ở Sông Nam - Đà Nẵng
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC NƯỚC

A TOUS PAYS

và hết hạn ngày 17.12.1994
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 07 tháng 12 năm 1994
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng Lê



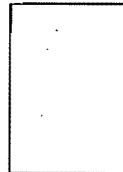
Nguyễn Liêm

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 62211-XC

Công dân Chia Hô Thi Thanh Khang

Quê quán ...

Đang đi ...

Đang đi ...

Ngày đi 07.6.1990

Đến ngày 07.06.1989

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng L



Hoàng Liên



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
Nº *123456789*

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HO THE IN
Nom et prénoms

Ngày sinh 21
Date de naissance

Noi sinh.....
 Lieu de naissance

Chỗ ở *Quảng Nam*
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp.....
 Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement *Taille*

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chūr ky
Signature

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

Số 62.11-XC

Cấp cho anh 112 Thà' Cầm

Cấp tại TP. Hồ Chí Minh

Ngày cấp 11/11/1990

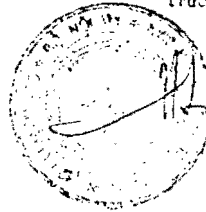
Đến ngày 11/11/1990

Đến ngày 11/11/1990

Đến ngày 11/11/1990

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH

Trưởng phòng Trần Văn



Hoàng Lâm

Hộ chiếu này có giá trị đi đến
Ce passeport est valable pour se rendre

TẤT CẢ CÁC MƯỚC

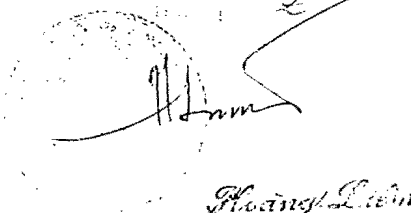
A POUVOIR

và hết hạn ngày
Il expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại ngày tháng năm 19.....
Fait à le

CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP NHẬP

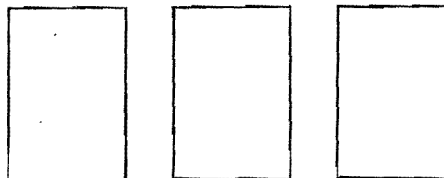

Hoàng Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên <i>Nom et prénoms</i>	Ngày sinh <i>Date de naissance</i>
1	
2	
3	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
RÉPUBLIQUE SOCIALISTE DU VIET NAM

HỘ CHIẾU
Passeport

Số
N^o 67607/87-ĐL

Hộ chiếu này gồm 16 trang
Ce passeport contient 16 pages

Họ tên HỒ THẾ CHÂU
Nom et prénoms

Ngày sinh 1925
Date de naissance

Nơi sinh An Giang
Lieu de naissance

Chỗ ở Quảng Nam - Đà Nẵng
Domicile

Quốc tịch Việt Nam
Nationalité

Nghề nghiệp
Profession

Nhận dạng Chiều cao
Signalement Taille

Màu mắt
Couleur des yeux

Vết tích đặc biệt
Signes particuliers

Ảnh của người mang hộ chiếu
Photographie du titulaire



Chữ ký
Signature

Hộ chiếu này có giá trị đi đến.....

Ce passeport est valable pour se rendre

..... CỘNG HÒA VIỆT NAM

.....

và hết hạn ngày 19/01/1994
IL expire le

trừ khi được gia hạn.
sauf en cas de renouvellement

Cấp tại Hà Nội ngày 07 tháng 12 năm 1993

Fait à Hanoi le 07/12/1993
CỤC QUẢN LÝ XÁC NHẬP CẢNH



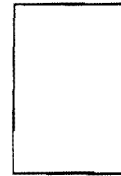
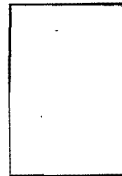
Hương Liên

- 4 -

TRẺ EM CÙNG ĐI VỚI NGƯỜI MANG HỘ CHIẾU
ENFANTS ACCOMPAGNANT LE TITULAIRE DU PASSEPORT

Họ và tên Nom et prénoms	Ngày sinh Date de naissance
1.....	
2.....	
3.....	

Ảnh của trẻ em
Photographies des enfants



- 5 -

THỊ THỰC XUẤT CẢNH

SS. 63203-XC

Cấp cho Ông Lê Văn Châu

Công với 1 người

Đến CHỢ CHỢNG CŨNG HẠ KỲ

Cấp cho Trần Văn Nhật

Đến 17.6.1990

Hà Nội, ngày 17 tháng 6 năm 1990

CHỖ CHẤM LỖ XUẤT NHẬP CẢNH

Lưu ý: 2



Huỳnh Liên





PHILCO - FORD CORPORATION

COMMUNICATION AND TECHNICAL SERVICES DIV.
P.O. Box 10 Ft. Washington PA 19034

FACILITY ADDRESS

NAME **TRAN THI KHUONG**

PHILCO-FORD

Stock Clerk

EMPLOYEE NO
V-0634

COMMUNICATIONS
& TECHNICAL
SERVICES
DIVISION

SECURITY OFFICER

Issued DANANG, RVN

Form Nr. Z-1021-24 10 July 68

DATE **03-27-70**

a-Dong, BV

Birthplace

Nationality

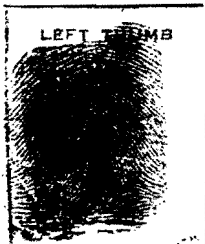
24-23-45

Date of Birth

Medium

Complexion

LEFT THUMB



Height

40 1/2 S

Weight

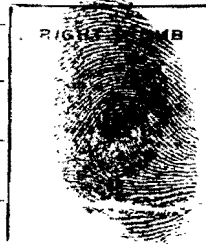
Black

Hair

Slight

Build

RIGHT THUMB



Security/conf #

29520-DN

VN I. D. #

064449

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200.056535**

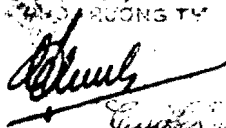
Họ tên: **HỒ THE CHA**



Sinh ngày: **15-07-1938**

Nguyên quán: **Pho tri, Phu
vang, Binh tri, thien**

Nơi thường trú: **Số 2/4 Đường
Đa, Thanh pho Đa nẵng**

Dân tộc: Kinh	Tôn giáo: Không
	NGÓN TRỎ TRÁI
	NGÓN TRỏ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Một ruồi nổi cách lem sau cánh mũi phải. Ngày 19 tháng 4 năm 1970 KẾ GIẢM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN HUYỆN QUẢNG TUYÊN  Trương Văn	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY TÙNG MINH NHÂN DÂN

Số: 00013523

Họ tên TRẦN THỊ KHƯƠNG



Sinh ngày 23-4-1945

Nguyên quán Đông Mỹ, Thanh
trí, Hà sơn bình.

Nơi thường trú 30/4
Đông Đa, Đà nẵng.

Dân tộc:

Kinh.

Tôn giáo

Không.

DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH

Sẹo chằm cách 3cm3
trên sau gành mũi
phải.

Ngày 02 tháng 03 năm 1978

KT/GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN

PHOTOGRAPHY

Gao Xing



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **200345004**

Họ tên **HỒ THỊ KIM KHANH**



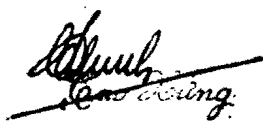
Sinh ngày **02-12-1964**

Nguyên quán

Châu phú, Châu đốc.

Nơi thường trú **Thuận lập,**

Thuận Phước, TP: Đà Nẵng.

Dân tộc: Kinh.		Tôn giáo: Không.	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
		Sẹo chàm cách 2cm trên trước đầu lông mày phải.	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày 23 tháng 01 năm 1979 KÝ/GIẤY ĐÓNG HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN 	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: ~~200215622~~

Họ tên: **HỒ THẾ CÔNG**



Sinh ngày: **28-8-1969**

Nguyên quán: **Châu phú**

Châu đốc, An giang.

Nơi thường trú: **30/4 Đông Đa**

Thành phố Đà Nẵng

Dân tộc: Kinh		Tôn giáo: Không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		NGÓN TRỎ PHẢI	Sọc chấm 0.1cm sau cánh mũi phải.
		Ngày 29 tháng 8 năm 1984	
		* GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN	
		 Phan Văn Quân	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **01-05-0666**

Họ tên: **HỒ THE CÂN**



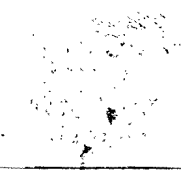
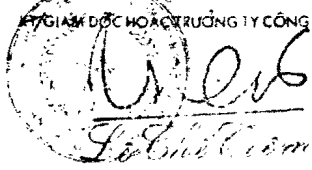
Sinh ngày: **10-II-1971**

Nguyên quán: **Châu Phú, Châu**

Độc, Kiên Giang.

Nơi thường trú: **Tổ 26, Thôn**

Phước, T. Phước Đa, tỉnh

Dân tộc: <u>Kinh</u> Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI
	NGÓN TRỎ PHẢI
DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DI HÌNH	
Số đo bàn tay: 4.1cm2 X 4cm, 4.2cm5, 4.3cm trước đau một phía	
Ngày... tháng... năm 1987 TỔNG GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TY CÔNG AN  Tổ Cảnh Sát	

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số **20108066**



Họ tên

HỒ THỊ THANH KHANG

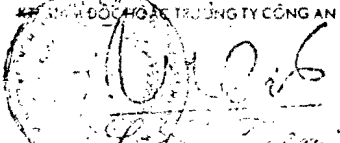
Sinh ngày **22-8-1970**

Nguyên quán **Châu Phú, Châu**

Độc, Kiên Giang,

Nơi thường trú **30/4 Tổ 26**

Thuận Phước, T.P. Đà Nẵng,

Dân tộc: kinh		Tôn giáo: không	
	NGÓN TRỎ TRÁI	CHỖ VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH	
		Số: 02005 Chức vụ: Cảnh sát	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày: 3 tháng 10 năm 1987	
		Kính Độc Học Trường Ty Công An  Lê Văn Sơn	



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG MINH NHÂN DÂN

Số: **001183708**

Họ tên: **CHỊ THANH AN**

Sinh ngày: **2-1-73**

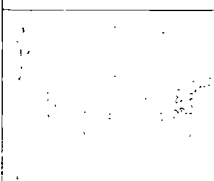
Nguyên quán: **Quận Thủ Đức**

Chau: **Thị trấn Thủ Đức**

Nơi thường trú: **Thị trấn Thủ Đức**

Thị trấn Thủ Đức



Dân tộc: <u>Việt Nam</u>		Tôn giáo: <u>Không</u>	
	NGÓN TRỎ TRÁI	DẤU VẾT RIÊNG HOẶC DỊ HÌNH <u>1</u>	
		<u>Nguyễn Văn A</u>	
	NGÓN TRỎ PHẢI	Ngày <u>01</u> tháng <u>01</u> năm <u>1988</u>	
		T/ GIÁM ĐỐC HOẶC TRƯỞNG TỶ CÔNG AN <u>Nguyễn Văn B</u>	

BAN NHÂN DÂN
TỈNH QN/ĐN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - tự do - Hạnh phúc

Đà Nẵng, ngày 19 tháng 3 năm 1977

QUYẾT ĐỊNH

Số 1623/QĐ

1

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

- Căn cứ sắc lệnh số 175/SL ngày 18-8-1953 của Chủ tịch nước và quyết định số 290/TTC ngày 18-8-1953 của Thủ tướng Chính phủ quyết định việc quan chế
- Xét đề nghị của ông Trưởng ty Công an Quảng nam Đà Nẵng.

QUYẾT ĐỊNH

ĐIỀU 1: Nay cho Trần Văn Châu tuổi 1938
Hiện ở Số nhà 3/4 đường Đồng Đa, Đà Nẵng
Cán tại Đội máy, ngành quân đã tập Trung Cai tạo
được phong thicia cơ, tiếp tục chiến đấu quân chế
tại địa phương
được khoa an quân chế Kể từ ngày 12/3/77
ĐIỀU 2: Các Ông Chánh văn phòng UBND tỉnh: Trưởng ty Công an tỉnh, Chủ
tịch Ủy ban nhân dân Quản phát Chủ tịch Ủy
ban nhân dân phường Thuận Phước chịu trách nhiệm thi hành
quyết định này.

X/T CHỦ TỊCH UBND TỈNH QUẢNG NAM ĐÀ NẴNG

phó chủ tịch

Đã ký: NGUYỄN THÀNH LONG

SAO Y ĐÀN CHÍNH

ĐÀ NẴNG, ngày 24/3/1977

V/L TRƯỞNG TY CÔNG AN QN/ĐN

Phòng C.S.I

HỌI NHẬN:

- UBND Quản T
- UBND T/Phước
- Viện KSND tỉnh
- Đường số
- Lưu.



Trần Văn

ĐƠN VỊ
TT20K5
Số 58. DT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA
VIỆT NAM

GIẤY PHÓNG THÍCH

Họ và tên

Trần Văn Châu

Bí danh

Ngày tháng năm sinh 15/7/1938

Nguyên quán *Phước An - Phước Long, Thừa Thiên*

Trú quán hiện nay *Trên nhà 3 - Hẻm 4 - Đường Dông Du
Phường Thuận Lợi 4 - Thành phố Huế - Thừa Thiên*

Ngày đi lính 10/6/1960

Đơn vị *Lữ đoàn 3 vận tải Long Bình*

Số lính 58/112884

Chức vụ *Trưởng ban*

Đi qua giáo dục từ ngày 2 tháng 9 năm 1975 đến
ngày 2 tháng 9 năm 1976 tại *Trại 2*

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo
quyết định số 108 ngày 2 tháng 9 năm 1976
của *Ban chấp hành tại CT*

Đề nghị Ủy ban nhân dân cách mạng địa phương cho
hưởng quyền công dân theo quyết định chung của nhà nước.

Chứng minh
Ngày 2 tháng 10 năm 1976
Trưởng đơn vị



Mô tả hình

Ngày 21 Tháng 11 Năm 1980

Kính gửi :

Ông Hồ Thế Châu

Thưa Ông/Bà,

Chúng tôi rất cảm động khi nhận được thư của Ông/Bà để ngày

Điều lăm cho chúng tôi vui mừng hơn là được biết Ông/Bà vẫn mạnh và kiên tâm chờ ngày đoàn tụ.

Mặc dù đường xá xa xôi, cách trở ngàn trùng, Ông/Bà vẫn nhớ đến chúng tôi. Để đáp lại thịnh tình đó, chúng tôi luôn luôn lo xúc tiến công việc, hy vọng mọi điều kiện đều hoà để sớm đem lại kết quả mong muốn.

Tuy nhiên, chúng tôi thiên nghĩ chỉ lo đôn phụng được những vấn đề về phía chúng tôi, còn phần bên phía Ông/Bà nên tích cực tu lo về phần liên hệ của mình thì mới mong có kết quả tốt đẹp.

Hơn nữa, chúng tôi cũng muốn lưu ý Ông/Bà, vấn đề kinh tế không phải là một tiêu chuẩn, vì vậy ta nên tránh đề cập tới. Mong Ông/Bà hiểu cho điều này.

Câu chúc Ông/Bà may mắn và xin giữ vững niềm tin.

Kính thư,

Khúc Minh Thơ

*** HỒ SƠ TÊN:

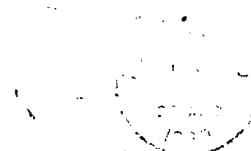
☐ ĐIỀN VÀO CÁC MẪU ĐÍNH KÈM: (hoàn về Hội mỗi mẫu 2 bản)

*** TÀI LIỆU CẦN BỔ TỤC:

- ☐ Hồ sơ bảo trở ☐ IV# , ☐ LOI , ☐ Exit visa , ☐ I-171 , ☐ GIẤY RA TRAI
☐ Giấy hộ tịch (khai sanh, hôn thú, giấy ly dị, khai tử v.v...
☐ Căn cước, chứng minh nhân dân, hình, giấy hộ khẩu v.v...
☐ Giấy bảo tử (nếu chết trong trại học tập)
☐ Tài liệu liên hệ đến tử nhân (mẫu câu hỏi ODP, Diploma, Certificate (nếu tu nghiệp ở Hoa Kỳ huy chương v.v...)

*** CÁC THƯ KHÁC:

P.O. BOX 5435
ARLINGTON, VA 22205-0635



VIA AIR MAIL

ÔNG NGUYỄN THẾ CHÂU
30/4 ĐƯỜNG D2
ĐÀ NẴNG - VIETNAM



17 HƯNG 17 LẬP - 17 31 Q.L.V.N.C.H.

Chứng nhận Đại-ủy HỒ - THẾ - CHÂU Số quân 53/112.884

đã tốt nghiệp khóa DỰ TRÙ và THỰC HIỆN

H HUNG - H H-i

SD : 2894

KBC. 3456, ngày 31 Th.7. 1970

CHỈ-HUY-TỔNG

TRƯỜNG TIẾP-YÂN Q.L.V.N.C.H.

ĐẠI-TÁ PHẠM-VĂN-THƯỜNG

(Ký tên và đóng dấu)

KBC. 4002, ngày 31 Th.7. 1970

TỔNG CỤC THƯỜNG TÔNG - CỤC TIẾT - VÂN

Chuẩn - Tướng ĐỒNG - VÂN - KHUYẾN

(Ký tên và đóng dấu)

SAO Y HẸN CHÁNH

KBC. 3.031, ngày

23 ~~h.3.~~ 1973

Đại-Tá TRẦN-THIỆN-THÀNH

Cục-Trưởng Cục Quân-Vân

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA

BỘ QUỐC PHÒNG

BỘ TỔNG THAM-MU/QLVICH

TỔNG CỤC TIẾP-VẬN

CỤC QUÂN-VÂN

SỞ CHUYÊN VẤN

PHÒNG TƯ HẠNH

D.T : 51061 - 61333

002221

/CCV/SCV/LH.

QUÂN LỰC VIỆT NAM CỘNG HÒA

GIẤY CHỨNG NHẬN

CHO PHÉP MANG HUY-HIỆU TUYẾN-CÔNG ĐƠN-VỊ VOI TÌNH-CÁCH
VĨNH-VIÊN

Đại-Tá TRẦN-TIỆN-THÀNH, Cục-Trưởng Cục Quân-Vận/Q.L.V.N.C.H.
chứng nhận : Đại-Úy HỒ - THẾ - CHÂU số-quân 58/112884 thuộc Cục Quân-Vận
có góp phần trong việc lập được thành tích vẻ-vang đã đem lại cho TỔNG-CỤC TIẾP-VẬN
Bộ P.T.M./QLVNCH vinh dự được tuyên dương công trạng trước Quân-Đội và ân thưởng
ANH-DŨNG BỘI-TÌNH với NHÀNH DƯƠNG-LIỆU.

Chiếu Huấn-thị số 655-418 ngày 27.4.1968, thi hành Cống Lệnh số
137/TT/QL ngày 30.5.1973 và S.V.V.T. số 8262/TTM/TQT/K.HCg. ngày 3.10.1973 được phép
mang vinh-viên HUY-HIỆU TUYẾN-CÔNG ĐƠN-VỊ màu ANH-DŨNG BỘI-TÌNH với NHÀNH DƯƠNG-LIỆU.

Giấy chứng nhận này được cấp cho đương-sự để chấp dụng.-



K.B. 3.031, ngày

18 Th.3. 1974

025

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC- PHÒNG
BỘ TỔNG-THAM-MU LUYỆN
TỔNG-CỤC QUÂN-HUẤN
TRƯỞNG QUÂN-VẬN

GIẤY CHỨNG NHẬN

KẾT - QUẢ HUẤN - LUYỆN

Số : 163 /TQV/KHL/GCN.

THAM CHIẾU : - SVVT số 4.737/TTM/TCQH/NH2 ngày 31.05.1971.

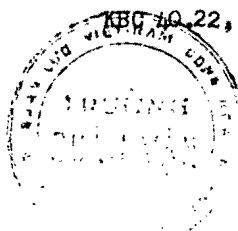
HỌ và TÊN : HỒ - THẾ - CHAU
CẤP-BẬC : Đại-úy
SỐ-QUÂN : 56/112.664
ĐƠN VỊ GỐC : /
KHÓA THAM DỰ : 10 Sinh-Viên Sĩ-Quan/Tổ/Quân-Vận.
NGÀY KHAI GIẢNG : 18.01.1961
NGÀY MÀN KHÓA : 18.07.1961

ĐIỂM TRUNG BÌNH : 14.132/20

XẾP HẠNG : 4/10

ÁM SỐ C.N.Q.S : 159

KHOA 10, 22, ngày 18 tháng 05 năm 1973,



Trưởng Bộ Tổng Tham Mưu,
Chỉ Huy-Dẫn Học
Trưởng Quốc-Huấn Quân-Vận.

[Handwritten signature]

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
THÀNH-PHỐ ĐÀ-NANG
QUẬN Hải-Đ
XÃ KHU-PHO THẠC-GIẢN

TRÍCH - LỤC

CHỨNG - THU HÔN - THƯ

Số hiệu 45

Tên họ người chồng HỒ - THẾ - CHÂU
Nghề nghiệp Quân-nhân
Sinh ngày 15 tháng 07 năm 1938
Tại Châu-Phủ Châu-Đức
Cư sở tại Phố-Trí, Phú-Yang, Thừa-Thiên
Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng
Tên họ cha chồng Hồ - thế - Ngự (Sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ chồng Ngô-thị - Bằng (Chết)
(sống chết phải nói)
Tên họ người vợ TRẦN-THỊ-KHƯƠNG
Nghề nghiệp Nội-trợ
Sinh ngày 23 tháng 04 năm 1945
Tại Hải - Đông (Bắc-Phân)
Cư sở tại Hải - Đông (Bắc-Phân)
Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng
Tên họ cha vợ Trần - Đình (Sống)
(sống chết phải nói)
Tên họ mẹ vợ Phạm-thị - Tuệ (Sống)
(sống chết phải nói)
— Ngày cưới Ngày tám tháng tư năm một nghìn chín trăm sáu mươi bốn
đón (08-04-1964)
— Vợ chồng thai có hay không lập hôn khế
ngày _____ tháng _____ năm _____
Tại _____

Tích y bản chính

THẠC-GIẢN ngày 08 tháng 04 năm 1964

chức hộ tịch



TỜ TRÌNH SỐ 1.40-1000

L

TR/TTT/12.3/115

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
BỘ QUỐC-ĐỊA

Số 398 /1/10/10V

- Chiếu Hiên-thủ tạm thời số 1 ngày 4.11.1963 và Hiên-thủ số 2 ngày 7 tháng 2 năm 1964,
- Chiếu Sắc-lệnh số 99-TTP ngày 2.2.1964, ấn định thành-phần Chánh-thủ,
- Chiếu Dụ số 29 ngày 29.6.1953 (Điều 20 - đoạn chốt),
- Chiếu Hiên-thủ số 15.377/17/Virpers/4 ngày 15.10.1953 về việc hôn-nhân của các Quân-nhân trong Quân-Đội Việt-Nam Cộng-Hòa,
- Chiếu Đơn xin phép kết-hôn của Thiếu-ly HỒ-THỊ-CHUẨN số ngày 1.2.1964 do Đại-đội 2 Vệ-Tải chuyển đệ (Chiếu gửi số 416/VTC/23 ngày 5.3.1964).

QUYẾT - ĐỊNH

1/- Nay cho phép Thiếu-ly HỒ-THỊ-CHUẨN số quân 59/112.874 thuộc Đại-đội 2 Vệ-Tải, được kết-hôn cùng cô THÂN-THỊ-KHƯƠNG sinh ngày 23.04.1945 tại Bà-Lồng (Đắc-Nhân), con của Ông THÂN-DINH và bà THẬP-THỊ-TUỆ.

2/- Kể từ ngày lập giấy gia-thủ, đương-sự sẽ được hưởng những quyền lợi dành cho các Quân-nhân kết-hôn hợp-lệ.

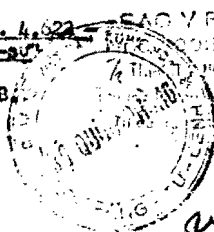
3/- Đương-sự phải gửi một bản trích-lục giấy gia-thủ để xếp hồ-sơ ./-

QUỐC-ĐỊA
LƯU VẬT-TÀI
LƯU VẬT-TÀI
Ngày 17/1/1964
Số 268

SAIGON, ngày

1964

- HỘI NHẬP :
- Bộ Tổng-Tư-Lệnh
 - SAG CH:
 - Đại-đội 2 Vệ-Tải
 - Bộ Tổng-Cát-cử Quốc-sự
 - Bộ TTT/P.T.T/Ban BKH
 - Bộ Tư-Lệnh Sư-đoàn 2 B.B.
 - Hồ-sơ
 - Lưu trữ.



Vannindula

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
ĐÔ-THÀNH SAIGON

TRÍCH-LỤC BỘ KHAI-SANH

Quận: TƯ

Lập ngày 05 tháng 01 năm 1973

PHƯỜNG: Khánh-Hội

Số hiệu: 70

Tên họ đứa trẻ. . . .	Hồ - thị - thanh - An
Con trai hay con gái. .	Nữ
Ngày sanh.	Ngày hai tháng một năm một ngàn chín trăm bảy mươi ba
Nơi sanh.	Bảo - Sinh . Tôn-thất-Thuyết
Tên họ người cha. . .	Hồ - thế - Châu
Tên họ người mẹ. . .	Trần - thị - Khương
Vợ chánh hay không có hôn-thú.	Vợ - Chánh
Tên họ người đứng khai.	Nguyễn - thị - Chín

TRÍCH-LỤC Y BẢN-CHÁNH

Saigon, ngày 10 tháng 03 năm 1973

Viện-Chức Hộ-Tịch, &

1973

Gửi U/ ĐINH-DUY-ĐIEM

Tên họ ba anh	HỒ - THỊ - CHÂN
Phối	Vân
Sinh	Ngày Mười. Tháng Mười. Năm 1971
Ngày tháng năm	Chín Trăm Bảy Mười Năm (1971)
Tại	Nhà Hộ Sinh Quân Đoàn I Hà Nội
Cha	HỒ - THỊ - CHÂN
Tên họ	Sinh Năm - 1958
Tuổi	
Nghề	Quân - Nhân
Cư trú tại	K.B.C. - 3.031
Mẹ	Trần - Thị - Khương
Tên họ	Sinh Năm - 1945
Tuổi	
Nghề	Nội - Trợ
Cư trú tại	Thạch Thang Hà Nội
Vợ	Chánh
Chánh hay thợ	
Người khai	HỒ - THỊ CHÂU
Tên họ	Sinh Năm - 1958
Tuổi	
Nghề	Quân - Nhân
Cư trú tại	K.B.C. - 3.031
Ngày khai	Ngày Mười Hai. Tháng Mười. Năm 1971
	Nghìn Chín Trăm Bảy Mười Năm (1971)
Người chứng thực nhất	Giấy Chứng Nhận số 525 -
Tên họ	
Tuổi	Nhà Hộ Sinh Quân Đoàn I Hà Nội
Nghề	Cấp Ngày 10 - 11 - 1971 -
Cư trú tại	B.C. Trần - Vũ - Thị - Vân.
Người chứng thực nhì	Ký Tên Và Đóng Dấu.
Tên họ	
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//

MIỄN LỆ
VI-ĐANG

Lập tại Thạch Thang ngày 12 tháng 11 năm 1971
Người khai Họ họ Niên chứng

HỒ-THỊ-CHÂU

PHỤNG-TRẦN-LỤC

GIẤY-CHỨNG-NHẬN

Như thiết chữ ký sau

ACH-THANG. NGÀY 12 THÁNG 11 NĂM 1971

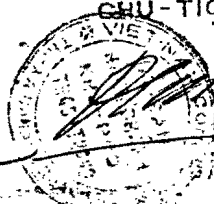
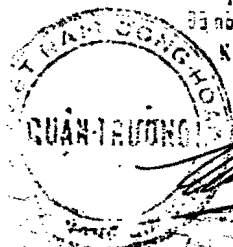
BỘ-ĐANG-VAN-QUANG

Đã nộp 34 tháng 11 năm 1971

KÝ QUẢN TRƯỞNG QUÂN NHƯ

PHÓ QUẢN TRƯỞNG

CHỦ-TỊCH



BỘ-ĐANG-VAN-QUANG

Tên họ đủ nhĩ	HỒ - THỊ - CÔNG.
Phái	Nữ.
Sinh ngày hai mươi tám, tháng tám, năm một nghìn chín trăm sáu mươi chín.	(28.8.69)
Nhà	Nhà Hộ - 100 - Quận - Gò Vấp, 01 - Sông.
Cha	Hồ - Thế - Châu.
Tên họ	
Tuổi	Sinh năm 1938.
Nghề	Quản - Nhân.
Cư trú tại	K. B. C 4.021
Mẹ	Trần - Thị - Hương.
(Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1945.
Nghề	Nội - Trợ.
Cư trú tại	Thạch - Thang, 01 - Sông.
Vợ	Chánh.
(Chánh hay thối)	
Người khai	Hồ - Thế - Châu.
(Tên họ)	
Tuổi	Sinh năm 1938.
Nghề	Quản - Nhân.
Cư trú tại	K. B. C 4.021.
Ngày khai	Ngày 3 tháng 9 năm 1969.
Người chứng thứ nhất	Có giấy chứng nhận cư trú
(Tên họ)	Hồ - Sinh - Quận - Gò Vấp 1.
Tuổi	Cấp ngày 28.8.1969
Nghề	Điện đài số 207/21/.../...
Cư trú tại	
Người chứng thứ nhì	/
(Tên họ)	
Tuổi	/
Nghề	/
Cư trú tại	/

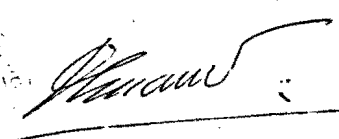
Lâm tại In-gi-nh-Tu-ong, ngày 3 tháng 8 năm 1969.

Người khai
Hồ - Thế - Châu.

Họ tại

Nhận chứng,
Cố giấy chứng nhận.

3 9 1969



SỞ QUẢN LÝ TÀI SẢN

SỞ QUẢN LÝ TÀI SẢN

SỞ QUẢN LÝ TÀI SẢN

SỞ QUẢN LÝ TÀI SẢN

Tên họ sau khi	Lê-thị-thanh-khiên
Phái	Nữ
Sinh (Ngày, tháng, năm)	Ngày hai mươi hai, tháng Tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi (22-8-1970)
Tại	Đã sinh trên đoàn 1 Đà-Nẵng
Cha (Tên họ)	Đã mất
Tuổi	Năm 1978
Nghề	Đàn-đàn
Cư trú tại	Đã mất
Mẹ (Tên họ)	Trần-thị-Hương
Tuổi	Năm 1945
Nghề	Nội-trú
Cư trú tại	Thị-chợ-Hương-Dã-Ng
Vợ (Chính hay thứ)	Đã mất
Người khai (Tên họ)	Đã mất
Tuổi	Năm 1978
Nghề	Đàn-đàn
Cư trú tại	Đã mất
Ngày khai	Ngày hai mươi sáu, tháng Tám, năm một nghìn chín trăm bảy mươi (26-8-1970)
Người chứng thứ nhất (Tên họ)	Có giấy chứng nhận của t.án-đoàn
Tuổi	1 Đà-Nẵng cấp ngày 10/8/1970
Nghề	Đã mất
Cư trú tại	
Người chứng thứ nhì (Tên họ)	//
Tuổi	//
Nghề	//
Cư trú tại	//

Làm tại Thị-chợ-Hương ngày 10 tháng 08 năm 1970

Người khai

Họ lại,

Nhân chứng.

Đã mất

Đã mất

GIẤY CHỨNG NHẬN

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Chứng nhận đã chuyển đến ở:

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

Từ ngày tháng năm

Ký tên, đóng dấu

NHUNG TIA TOI KHAC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập — Tự do — Hạnh phúc

GIẤY CHỨNG NHẬN

HỘ KHẨU THƯƠNG TRÚ

Số: 1023 CN

Họ và tên chủ hộ:

TRẦN THỊ KHUÔNG

Thôn, bản, xóm, ấp, ngõ, số nhà:

39/4

Xã, thị trấn, đường phố:

Đông Giang

Tiểu khu, phường, quận công an:

phước

Huyện, quận, khu phố, thị xã:

Đông Giang

Tỉnh, thành phố:

Đông Giang

Nơi này tháng năm

Trưởng công an thành phố Đông Giang

Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ (tên)



Tập số:

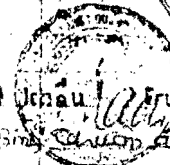
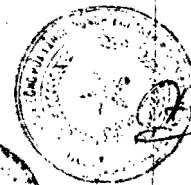
Trang số:

THÔNG TIN VỀ CÁC THÀNH VIÊN TRONG HỘ

Số thứ tự	HỌ VÀ TÊN	Quan hệ với chủ hộ	NAM hay nữ	Ngày tháng năm sinh	Số giấy CMND	Nghề nghiệp và nơi làm việc	Ngày tháng năm đăng ký nhân khẩu thường trú	Ngày tháng năm và nơi chuyển cư	Tên đơn vị ĐƠN VỊ
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1	Trần Thị Khương	chủ hộ	nữ	1945	20001352	công nhân			
2	Hồ Thị Kim Khanh	con	nữ	1954	20004500				
3	Hồ Thị Thanh	con	nữ	1955	20003500				
4	Hồ Thị Kim Khanh	con	nữ	1957	20001502				
5	Hồ Thế Công	con	nam	1959	20001502				
6	Hồ Thị Thanh Khanh	con	nữ	1970	200080665				
7	Hồ Thế Văn	con	nam	1971	200080666				
8	Hồ Thị Thanh An	con	nữ	1973					
9	Hồ Thế Châu	chồng	nam	1938	20003500				
Tính đến ngày 1-6-1986 hộ có 9 khẩu. Tính đến ngày 1/4/86 hộ gồm 8 khẩu.									
09	Hồ Thế Chương	con	nam	1966	20088090				
10	Nguyễn Thị Du Lâm	con	nữ	1969	20004500				
11	Trần Thị Liên	con	nữ	1923					
Tính đến ngày 16/09/1987 hộ gồm có 09 (chín) khẩu. Tính đến ngày 06/1/88 hộ có 10 (mười) khẩu. Tính đến ngày 31/1/88 hộ có 11 (mười mốt) khẩu.									

NVQS 2/86

NVQS 2/86



Handwritten signature

Tên họ đầu nhi

MỠ-THỊ-KIM-KHANH

Phối

Nữ

Sanh

(Ngày, tháng, năm)

Ngày hai tháng mười hai năm một nghìn chín trăm sáu mươi bốn.

(02 - 12 - 1964)

Tại

MÀI MỠ-SINH NGUYỄN-THỊ-AN ĐÀ-NANG

Cha

(Tên, họ)

MỠ-THẾ-CHÂU

Tuổi

1938

Nghề

Sĩ-quan quân đội Việt-Nam Cộng-Hòa

Cư-trú tại

Số 86 Nguyễn-Hoàng-Đà-Nẵng

Mẹ

(Tên, họ)

TRẦN-THỊ-KH. ONG

Tuổi

1945

Nghề

Nội-trợ

Cư-trú tại

Số 86 Nguyễn-Hoàng-Đà-Nẵng

Vợ

(Chánh hay thứ)

CHÁNH

Người khai

(Tên họ)

TRẦN-THỊ-KH. ONG

Tuổi

1945

Nghề

Nội-trợ

Cư-trú tại

Số 86 Nguyễn-Hoàng-Đà-Nẵng

Ngày khai

Ngày 04 tháng 12 năm 1964

Người chứng thứ nhất

(Tên họ)

Có giấy chứng nhận của Nhà

Tuổi

Hộ-sinh Huỳnh-thị-An Đà-Nẵng

Nghề

Cấp ngày 04 tháng 12 năm 1964.-

Cư-trú tại

Người chứng thứ nhì

(Tên họ)

-Như trên-

Tuổi

Nghề

Cư-trú tại

Lập lại xá THẠC-GIÂN , ngày 04 tháng 12 năm 19 64

Người khai
Hộ lại,
TRẦN-THỊ-KH. ONG

Hộ lại,

Nhân chứng

BÌNH TRÍCH LỤC

THẠC-GIÂN, ngày 20 tháng 1 năm 1955

HỘ-LAI



CAO-VĂN-HUYNH

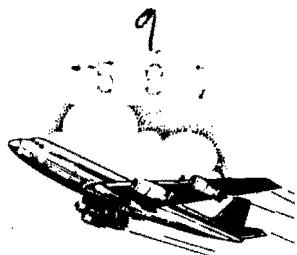
Cao Văn Huỳnh
01/1/65

FROM: HO THE CHAU 30/A DONG DA DANANG CITY OF VIETNAM

TO: Madam KHUOC MINH THO

PO BOX: 5435 ARLINGTON

VA 22205-0635



PAR AVION VIA AIR MAIL

607-19896

1 USA

QUESTIONNAIRE FOR EX POLITICAL PRISONER IN VIETNAM
(QUESTIONNAIRE FOR ODP APPLICANT)

(A) Basic identification data:

1. Name: HỒ THẾ CHÂU SN: 58/112.884
2. Other name: no
3. Date/place of birth: 15-7-1938 at Châu phú Châu tỉnh Việt nam
4. Residence address: House n°-30/4 Đồng Đa street - Tân Cảng city
Tổ 26 phường Thuận Phước
5. Mailing address: To Hồ Thế Châu 30/4 Đồng Đa Đa nẵng Việt nam
6. Current operation: 3rd Transportation Group Long Binh to be long
to RVNAF transportation office in Sài gòn.
- Total worked time: 15 year (from 1960 - 1975)
- Last rank: Captain (operation transportation office)
7. Date arrested: 20-5-1975
8. Date released: 2-10-1976

(B) Relative to accompany me:

Name	Year of birth	Sex	M/S	Relation-ship	Address
1. <u>Trần Thị KHUÔNG</u>	<u>1945</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Wife</u>	<u>30/4 Đồng Đa street</u>
2. <u>Hồ Thị Kim KIM ANH</u>	<u>1964</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>	<u>- Tân Cảng city VN</u>
3. <u>Hồ Thế CHUÔNG</u>	<u>1966</u>	<u>M</u>	<u>M</u>	<u>Son</u>	<u>- S -</u>
4. <u>Hồ Thị Kim KIM ANH</u>	<u>1967</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>	<u>- S -</u>
5. <u>Hồ Thế CÔNG</u>	<u>1969</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>	<u>- S -</u>
6. <u>Hồ Thị Thanh KHANG</u>	<u>1970</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>	<u>- S -</u>
7. <u>Hồ Thế CÂN</u>	<u>1971</u>	<u>M</u>	<u>S</u>	<u>Son</u>	<u>- S -</u>
8. <u>Hồ Thị Thanh AN</u>	<u>1973</u>	<u>F</u>	<u>S</u>	<u>Daughter</u>	<u>- S -</u>
9. <u>Nguyễn Thị Dạ CÂN</u>	<u>1969</u>	<u>F</u>	<u>M</u>	<u>Daughter in law</u>	<u>- S -</u>

(C) Relation outside Vietnam:

1. Closest relative on the US: no
2. Closest relative on the other foreign countries: HỒ THỊ LANH -
PO Box W25 home bush west 2140 NSW AUSTRALIA
(was my little sister: daughter of my uncle)

① Complete family listing (living, dead) - (father, mother, wife, children)

Relationship	Name	Status	Address
Wife	Trần Thị KHUÔNG	living	30/4 Ông Đa Đa nẵng
Children	Hồ Thị Kim KHANH	-	-
	Hồ Thế CHUÔNG	-	-
	Hồ Thị Kim KHANH	-	-
	Hồ Thế CÔNG	-	-
	Hồ Thị Thanh KHANG	-	-
	Hồ Thế CÂN	-	-
	Hồ Thị Thanh AN	-	-
	Nguyễn Thị Dạ CÂN	-	-
Daughter in law	Hồ Thế HUỖT	dead	-
Father	Ngô Thị BẢNG	dead	-
Mother	Trần DINH	living	162/6 Trần Cao Vân ĐN
Father in law	Dương Thị KIM	living	Việt Nam
Mother in law (Second mother)			

② Employment by US Government Agencies or other US organisations of you or your spouse:

My wife: TRẦN THỊ KHUÔNG

● 1968: Employment of RMK - BRT Company Đà Nẵng
Director: Mr. WHELEN

● 1970: Employment of philco - Ford - Corporation Da nang city.
Title: stock clerk

● 1973: Employment of ICCS / FIC Tân Sơn nhất Saigon city
Title: Teletypist
Director: Mr. FRED

③ Service with GVN of RVNAF you or your spouse:

1. Name of person serving: HỒ THẾ CHÂU

2. SN: 58/112 884

3. Date from:

1960 - 1961: Transportation school of ARVN ARMY OF R. VN

1961 - 1962: 215th Transportation company. Quinhon under other
2nd Transp. Battalion.

1962 - 1964: 2nd Transportation company of 2nd Infantry division
Đi nung.

1964 - 1966: Military train office of 1st Zone American edition:
Capt. Paul B. Manze.

1967 - 1970: 12th train Escort company commander Đản Xương
Headquard company commander of 1st train Escort Battalion

1970 - 1971: Operation office of the 1st transp. Group.

1971 - 1974: Transportation officer of headquard of ARVN (ARMY
OF RVN) Transp. Saigon

- The 1st commander: Colonel Lê qu' Ao²

- The 2nd commander: Colonel Trần Thửn Thửn.

Advisor: DAC.

1975 - Transportation office of 3rd transportation Group Long binh
Commander: Lt colonel Lê Bá Tông under order commander
of 3rd transportation zone: Colonel Nguyễn Đình Thông.

3. Last rank: Captain (transportation office).

4. Ministry / office - Military unit: 3rd - transportation Group Long binh.

5. Supervisor / Co: Lt - Colonel Lê Bá Tông.

6. Name of American advisor: no remember.

7. Reason of leaving: the 1975 event

8. US having course in VN: ECL ceass 6 months by english language
school at Saigon (1970)

⑥ Reduction of you or your spouse:

1. Name of person in reeducation: Hồ Thế Châu.

2. Total time reeducation: 18 tháng. 1 year and half.

- place of reeducation: 2nd reeducation camp of KY SƠN Quảng nam
under order: 5th CORD of VCAF (the ARMY of the
people of republic - SOCIALIST VIETNAM)

- Date released: 2-10-1976.

3. Still in reeducation: no

④ Any additional remark: by the future's life of my children

Signature

Norman

Hồ Thế Châu

Date
August 21st - 1988

⑤ Please list here all documents attached to this questionnaire:

- 1 Certificate release camp (photocopie) (n° 58)
- 1 Certificate employment by US organization of my wife (photocopie) (n° V - 0634)
- 1 marriage certificate (n° 45) (photocopie)

We should supply any document for our questionnaire after your answers by letter to us

Sincerely thanks

Đã 21/8/1988

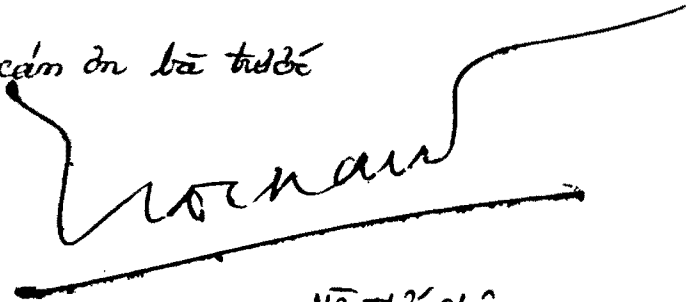
Thưa Bà

Chúng tôi viết thư đường đột gửi thăm bà vì được biết bà qua số giới thiệu của bạn bè ở Việt nam. Chúng tôi chân thành gửi lời chào thăm bà cũng gia quyến và cầu an Chúa ban phúc lành cho bà cũng người thân được hạnh phúc.

Sau đây chúng tôi làm phiền bà, xin chuyển những nguyện vọng và hồ sơ của chúng tôi đến cơ quan liên hệ hoặc cơ quan CDP để xin tái định cư tại Hoa Kỳ do lòng nhân đạo của hai chính phủ Hoa Kỳ và Việt nam. Những điều cầu xin này nếu được thực hiện thì đó là ơn của bà đỡ giúp cho chúng tôi.

Chúng tôi định gửi kèm bưu phí nhưng không có như thế này. Vậy xin phiền bà giúp cho. Chúng tôi sẽ đến đáp ơn sau. Trong hồ sơ có nhiều thiếu sót hoặc chưa đúng; chúng tôi sẽ xin bổ túc thêm khi biết tin kết quả về sự việc này.

Thành thật cảm ơn bà trước



Hồ Thế Châu

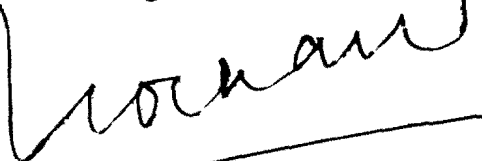
To
Sir. Director
of the ODP office

For the helping to a political
prisoner after education in Vietnam
And by the humanity of the both
between US Government and Vietnam Republic
Socialist Government.

please, enlist my questionnaire
for a political prisoner in US programme
to make fixed place of Residence in
USA.

We should supply any relative
document for us questionnaire after
you answers by letter

Sincerely Thanks / Sir
Signature



Phan Thanh Châu



PHILCO - FORD CORPORATION

COMMUNICATION AND TECHNICAL SERVICES DIV.

P.O. Box 10 Ft Washington PA 19034

FACILITY ADDRESS

NAME **TRAN THI KHUONG**

PHILCO-FORD
Stock Clerk

EMPLOYEE NO
V-0634

COMMUNICATIONS
& TECHNICAL
SERVICES
DIVISION

[Signature]
SECURITY OFFICER

Issued DANANG, VN

Form Nr. Z-1031.24 10 July 68

DATE **03-27-70**

Hoang, BV

RVN

Birthplace

Nationality

23-45

Medium

Complexion



1m55

Height

40kgs

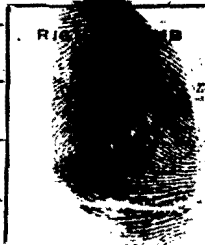
Weight

Black

Hair

Slight

Build



Security/cont #

29520-DN

VN I. D. #

064449

GIẤY PHỎNG THÍCH

Họ và tên

Bí danh

Ngày tháng năm sinh: 15/7/1938.

Ngày tháng năm sinh 15/7/1938.
 Nguyên quán Phú An - Phú Tân, Thừa Thiên

Trú quán hiện nay Lô nhà 3 - Hẻm 4 - Đường Dã Du
Phường Chuân lập A - Chanh trưng - H.I - Bù Nãi
Ngày đi lính 10/6/1960. 12 - 4 - 1960

Ngày di lính: 10/6/1960.

Đơn vị *Lên đoàn 3 vùng* 

Số lính 58/112884

Chức vụ *Trưởng ban Kỹ Thuật*

Đi qua giáo dục từ ngày 23/1/1975 đến

ngày 2 tháng 9 năm 1974 tại *Bangkok Thái Lan*

Nay được phép trở về nơi cư trú hiện nay làm ăn theo
quyết định số 108 ngày 2 tháng 2 năm 1970

Đề nghị Ủy ban nhân dân cách mạng địa phương cho hưởng quyền công dân theo quyết định chung của nhà nước.

chúng nhận

Đường đi có tính tuần hoàn diễn ra

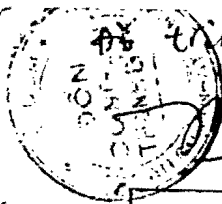
Kính báo cáo tại công an quân Ngày 2 tháng 10 năm 1976

176 17C Trusty qm

Thủ trưởng đơn vị...

ĐỒNG AN
QUẬN NHẤT
QUẢNG NAM

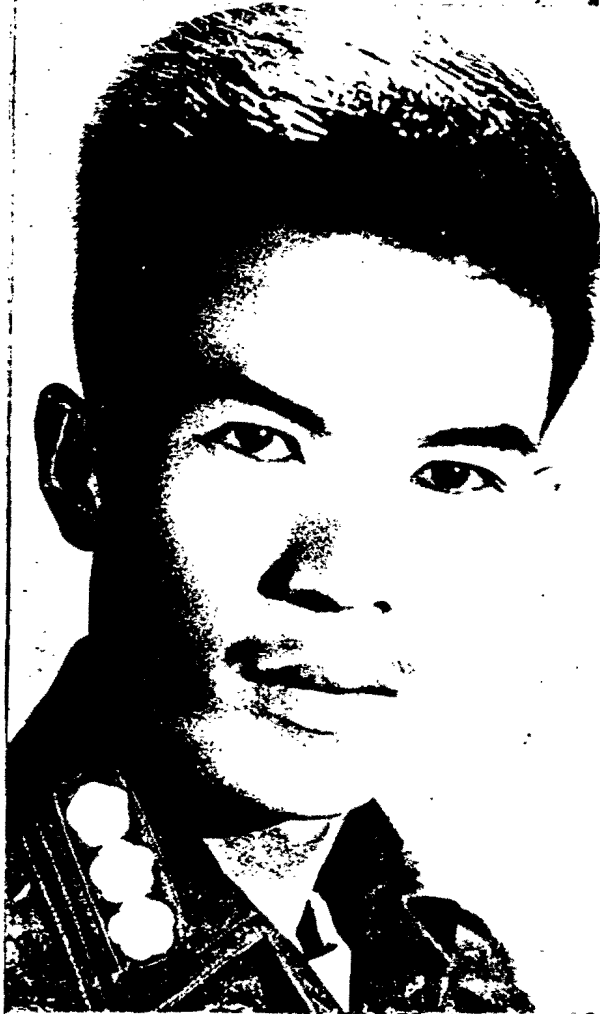
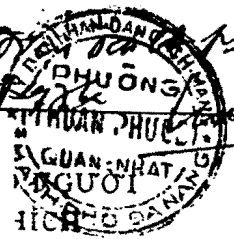
Trung Tá NGÔ CÂU



Đã cấp tại CA Thanh Bình - ngày 7/10/76

Tân

Đã cấp tại CA Thanh Bình - ngày 7/10/76



thích và nạp
cách mạng xã,

quy định của

to gây thông
tếp của chính

ùng giấy này.

quan an ninh
trú biết.

mạng các cấp
lệnh.

ngày 3/10/1976
Trần Hùng

Đã cấp tiền ăn, tiền taxi xe về đến nhà và mạng theo
các trang phục được cấp phát tại trại.

Chứng nhận
Đã cấp tiền ăn đến thời 13.00
Ban Quản lý An ninh I
THÀNH PHỐ
ĐÀ-NẴNG
ngày 15/10/76

VIỆT-NAM CỘNG-HÒA
TỈNH HAY THÀNH-PHỐ
THÀNH-PHỐ ĐÀ-NANG
QUẬN Nội-8
XÃ KHU-PHỐ THẠC-GIẢN

TRÍCH - LỤC

CHỨNG . THƯ HÔN . THỦ

Số hiệu 45

Tên họ người chồng HỒ - THẾ - CHÂU

Nghề nghiệp Quân-nhân

Sinh ngày 15 tháng 07 năm 1938

Tại Châu-Phú Châu-Đốc

Cư sở tại Phổ-Trị, Phú-Vang, Thừa-Thiên

Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng

Tên họ cha chồng HỒ - THẾ - HUỆT (Sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ chồng NGÔ-thị- BẮNG (Chết)

(sống chết phải nói)

Tên họ người vợ TRẦN-THỊ-KHƯƠNG

Nghề nghiệp Nội-trợ

Sinh ngày 23 tháng 04 năm 1945

Tại Hà - Đông (Bắc-Phấn)

Cư sở tại Hà- Đông (Bắc-Phấn)

Tạm trú tại Thạc-Giản Đà-Nẵng

Tên họ cha vợ TRẦN - DĨNH (Sống)

(sống chết phải nói)

Tên họ mẹ vợ Phạm-thị- Tuệ (Sống)

(sống chết phải nói)

— Ngày cưới Ngày tám tháng tư năm một nghìn chín trăm sáu mươi

bốn — Vợ chồng khai có hay không lập hôn ước ————— (08 -04- 1964)

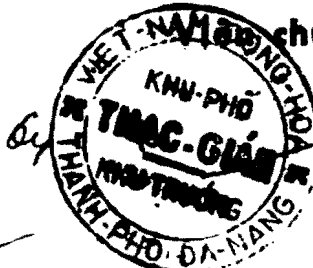
ngày ————— tháng ————— năm —————

Tại —————

Trích y bản chính

THẠC-GIẢN ngày 08 tháng 04 năm 1964

chức hộ tịch



TRẦN - KÝ

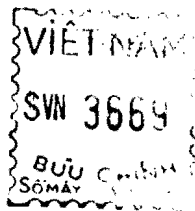
CHUNG VĂN-BÁ

V. G. 1964

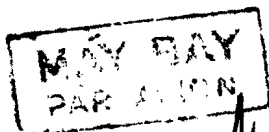
C O N T R O L

____ Card
____ ☒ Doc. Request; Form 21/4/89
____ Release Order
____ Computer
____ Form 'D'
____ ODP/Date _____
____ Membership; Letter

FROM Hồ Thế Châu
30/4 Đồng Đa
Street DANANG
VIETNAM

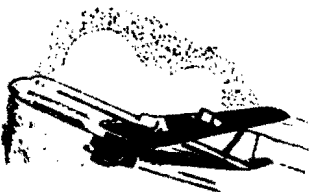


199 : 4553
133 : 1116



SEP 09 1988

Mrs
TO Trinh Ngoc Dung
PO BOX 5435
ARLINGTON
VA 22205-0635



PAR AVION VIA AIR MAIL

— USA —